

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **210/2024 /HNGĐ-ST**.

Ngày 19/08/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Nguyễn Thảo P - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 139/2024/TLST- HNGĐ, ngày 31/05/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 17/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 02/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ma Thị H** (tên gọi khác: Sao), sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **Dương Minh Đ**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Ma Thị H trình bày:

Chị và anh Dương Minh Đ qua tìm hiểu đã kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/9/2002. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh Đ hay uống rượu, khi uống rượu về thì hay chửi bới vợ con và nhiều lần đánh chị, đến ngày 17/5/2024 anh Đ đánh chị khiến chị phải vào viện điều trị, do lo sợ nên từ đó chị không dám về nhà; việc mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã được gia đình hoà giải nhiều lần; vợ chồng chị vẫn chung sống nhưng từ lâu không còn liên quan gì đến nhau về kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Dương Minh Đ đến nay đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Dương Minh Đ có 03 con chung là cháu: Dương Ánh H1, sinh ngày 11/10/1998, cháu Dương Ánh H2, sinh ngày 25/5/2000 và cháu Dương Minh Đ1, sinh ngày 19/02/2016. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Minh Đ1, không đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung; còn đôi với cháu Dương Ánh H1 và cháu Dương Ánh H2 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Đ không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Dương Minh Đ trình bày:

Anh và chị Ma Thị H qua tìm hiểu đã kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/9/2002. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn và va chạm trong gia đình, giữa hai vợ chồng có xảy ra cãi vã nhiều lần, bản thân anh là người thẳng tính nên không kiềm chế được bản thân nên nhiều lúc không kiềm chế được anh có đánh chị H, đến ngày 17/5/2024 giữa anh và chị H có xảy ra cãi nhau, do chị H không tôn trọng anh, anh bực tức nên có được đánh chị H, chị H bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, anh không liên lạc được với chị H. Từ khoảng năm 2015 giữa anh và chị H không liên quan gì với nhau về kinh tế.

Anh xác định giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn, anh có được đánh chị H nhưng trước Tòa án anh đã xin lỗi chị H, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị H chưa đến mức trầm trọng, mà chỉ là những mâu thuẫn, va chạm trong gia đình, mặt khác hiện nay con anh còn nhỏ nên chị H có xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Ma Thị H có 03 con chung là cháu: Dương Ánh H1, sinh ngày 11/10/1998, cháu Dương Ánh H2, sinh ngày 25/5/2000 và cháu Dương Minh Đ1, sinh ngày 19/02/2016. Anh không nhất trí ly hôn với chị H nên không đề nghị giải quyết về vấn đề giao nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không nhất trí ly hôn với chị Ma Thị H, nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị H xử cho chị Ma Thị H được ly hôn với anh Dương Minh Đ.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Dương Minh Đ1, sinh ngày 19/02/2016 cho chị Ma Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Đối với cháu Dương Ánh H1, sinh ngày 11/10/1998 và cháu Dương Ánh H2, sinh ngày 25/5/2000, hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, đã lập gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thoả thuận, tự chia không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị H và anh Đ cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Ma Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; lấy ý kiến của con chung.

Tòa án đã tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không tự thoả thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Toà án giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Ma Thị H và anh Dương Minh Đ kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp; chị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh Dương Minh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Dương Minh Đ đều vắng mặt tại phiên tòa; chị Ma Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.*

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Ma Thị H và anh Dương Minh Đ kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2024, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị Hợp đề n Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ theo quy định của pháp luật, tại biên bản lấy lời khai anh Đ xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H, mặt khác hiện nay các con đã lớn nên anh không nhất trí ly hôn.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ là đúng thực tế, tuy lời khai các bên không trùng khớp nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra, hiện nay đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế; cả hai cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; mặt khác cả chị H và anh Đ đều xác định anh Đ có hành vi đánh chị H, là những hành vi mang tính chất bạo lực gia đình, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Ma Thị H được ly hôn với anh Dương Minh Đ.

[2.2] *Về con chung*:

Quá trình chung sống, giữa chị H và anh Đ có 03 con chung là cháu: Dương Ánh H1, sinh ngày 11/10/1998, cháu Dương Ánh H2, sinh ngày 25/5/2000 và cháu Dương Minh Đ1, sinh ngày 19/02/2016. Chị Hợp đề n được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Minh Đ1, không đề nghị anh Đ cấp

đường nuôi con chung; đối với cháu Dương Ánh H1 và cháu Dương Ánh H2 hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên không đề nghị Tòa án giải quyết; anh Đ không nhất trí ly hôn nên không đưa ra quan điểm về việc nuôi con mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn Đ, xã X, huyện Y và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện: Cháu Dương Ánh H1 và cháu Dương Ánh H2 hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), đã lập gia đình riêng, có khả năng lao động, có kinh tế và thu nhập, nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Dương Minh Đ1 hiện đang học lớp 02, ý kiến cháu Đ1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Ma Thị H; chị H có chỗ ở ổn định, hiện nay đang là giáo viên, có thu nhập ổn định, mức lương hiện hưởng là 14.085.000 đồng/tháng, chị H đảm bảo các điều kiện để nuôi con; còn đối với anh Dương Minh Đ hiện nay ở nhà làm lao động tự do (đi làm thợ xây), tuy nhiên công việc và mức thu nhập không ổn định; mặt khác cháu Đ1 hiện nay còn nhỏ hiện đang học lớp 2 chị H là giáo viên nên giao cho mẹ chăm sóc, giáo dục sẽ phù hợp hơn.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Dương Minh Đ1 và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cần giao cháu Dương Minh Đ1 cho chị Ma Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như nguyện vọng của cháu Đ1.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Ma Thị H không yêu cầu anh Dương Minh Đ cấp dưỡng, nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H xác định chị và anh Đ có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia không đề nghị Tòa án giải quyết; anh Đ không nhất trí ly hôn nên không có ý kiến về việc chia tài sản và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Chị H xác định chị và anh Đ không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết; anh Đ không có ý kiến về nợ chung và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Dương Minh Đ không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Ma Thị H với anh Dương Minh Đ.

1. Về hôn nhân: Cho chị Ma Thị H được ly hôn với anh Dương Minh Đ (*Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 03, ngày 17/9/2002 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang*). Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Minh Đ1, sinh ngày 19/02/2016 cho chị Ma Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Dương Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Dương Ánh H1 và cháu Dương Ánh H2 hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Ma Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002029, ngày 31/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh Dương Minh Đ không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Trung Môn (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lộc Thị Kim Thơm Đặng Thị Huệ

Vũ Mạnh Hồng